

Số: 3437 /QĐ-UBND

Phước Thái, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án di dời các trụ điện 110kV, 220kV, 500kV phục vụ cho tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1, tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai (đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC THÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 59/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế (bước lập

thiết kế bản vẽ thi công) Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1. Hạng mục: Di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế (bước lập thiết kế bản vẽ thi công) Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1. Hạng mục: Di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt điều chỉnh Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường chi phí di chuyển tài sản; bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định bổ sung Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/ khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản thẩm định số 1466/HĐ-TĐGD ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng thẩm định giá đất xã Phước Thái về việc thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án di dời các trụ điện 110kV, 220kV, 500kV phục vụ cho Tiểu dự án Thành phần 2 Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đoạn qua 1 xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng bồi thường ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc thông qua Phương án bồi thường, hỗ trợ dự án di dời các trụ điện 110kV, 220kV, 500kV phục vụ cho tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1 tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành tại Văn bản số 1296/TTPTQĐ.CNLT-TBT.N5 ngày 31 tháng 12 năm 2025 và theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 422/TTr-PKT ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án di dời các trụ điện 110kV, 220kV, 500kV phục vụ cho tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1, tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

Stt	Tên tài sản	Vị trí	Giá đất theo QĐ 86/2024 (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh	Giá đất định giá (đ/m ²)
I	Đất nông nghiệp				
1	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm Quốc lộ 51 (đường nhóm I) tại xã Phước Thái	Vị trí 2	200.000	4,80	960.000
		Vị trí 3	180.000	4,71	847.800
		Vị trí 4	150.000	4,46	669.000

Stt	Tên tài sản	Vị trí	Giá đất theo QĐ 86/2024 (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh	Giá đất định giá (đ/m ²)
2	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm Đường vào UBND xã Phước Bình, Đường vào UBND xã Tân Hiệp (đường nhóm II) tại xã Phước Thái	Vị trí 1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	210.000	7,39	1.551.900
		Vị trí 1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	168.000	7,39	1.241.520
		Vị trí 1 (Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất)	140.000	7,39	1.034.600
		Vị trí 3	170.000	4,10	697.000
		Vị trí 4	140.000	3,91	547.400
II	Đất ở tại nông thôn				
	Đất ở tại nông thôn Quốc lộ 51 (Đoạn từ ranh giới xã Phước Thái - Long Phước đến cầu Thái Thiện) tại xã Phước Thái	Vị trí 2 (hẻm nhựa)	3.300.000	1,49	4.917.000
		Vị trí 2 (hẻm bê tông)	3.300.000	1,36	4.488.000
		Vị trí 2 (hẻm còn lại)	2.640.000	1,56	4.118.400
		Vị trí 3 (hẻm nhựa)	2.300.000	1,64	3.772.000
		Vị trí 3 (hẻm bê tông)	2.300.000	1,47	3.381.000
		Vị trí 3 (hẻm còn lại)	1.840.000	1,67	3.072.800
2	Đất ở tại nông thôn Đường vào UBND xã Phước Bình (Đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết khu làng dân tộc Chơ ro)	Vị trí 1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	6.000.000	1,48	8.880.000
		Vị trí 1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết	4.800.000	1,48	7.104.000

Stt	Tên tài sản	Vị trí	Giá đất theo QĐ 86/2024 (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh	Giá đất định giá (đ/m ²)
		mét thứ 100)			
		Vị trí 1 (Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất)	3.000.000	1,48	4.440.000
		Vị trí 1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	6.000.000	1,48	8.880.000
3	Đất ở tại nông thôn Đường vào UBND xã Tân Hiệp (Đoạn từ Quốc lộ 51 đến cầu Suối 1)	Vị trí 1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	4.800.000	1,48	7.104.000
		Vị trí 1 (Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất)	3.000.000	1,48	4.440.000

Điều 2. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án di dời các trụ điện 110kV, 220kV, 500kV phục vụ cho tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1, tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai, bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án di dời các trụ điện 110kV, 220kV, 500kV phục vụ cho tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1, tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (nếu có).

1.1. Tổng số trường hợp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: **07 trường hợp.**

- Tổng diện tích phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: **1.252,6m²**, loại đất CLN.

1.2. Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **1.404.748.636 đồng** (Bằng chữ: (Một tỷ, bốn trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm bốn mươi tám ngàn, sáu trăm ba mươi sáu đồng)).

Trong đó:

- Bồi thường đất:	1.123.927.440 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc:	144.117.264 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:	12.723.471 đồng.
- Các chính sách hỗ trợ:	6.476.884 đồng.
- Thương di dời:	70.000.000 đồng.
- Kinh phí cho tổ chức thực hiện BT, HT & TĐC: (3,5%):	47.503.577 đồng.

Trong đó:

+ Kinh phí cho UBND cấp xã 0,525%:	40.378.041 đồng.
+ Kinh phí cho TTPTQĐ 2,975%:	7.125.536 đồng.

(Đính kèm bảng tổng hợp)

2. Phương án bố trí tái định cư (nếu có): không bố trí tái định cư.

3. Điều 3. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan:

1. Đề nghị Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế, (Chủ đầu tư) Ban Quản lý dự án khu vực 5 và Trưởng ấp nơi có đất thu hồi phổ biến và niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Phòng Kinh tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Nhà văn hoá ấp nơi có đất thu hồi đảm bảo đúng quy định.

- Trực tiếp giao Quyết định này đến từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) (có Biên bản giao nhận cụ thể); trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập Biên bản.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế tiến hành rà soát toàn bộ thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đảm bảo đúng, đủ theo quy định pháp luật hiện hành. Chỉ được thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi đã đảm bảo đúng, đủ điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) theo Phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

- Quản lý chặt chẽ diện tích đất đã được giải phóng mặt bằng.

- Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án, đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Chịu trách nhiệm về kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục, các số liệu, nội dung và thành phần hồ sơ trình phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư này, đảm bảo theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ, chứng từ gốc và các văn bản liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đúng theo quy định.

2. Phòng Kinh tế

- Chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu, kết quả thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Đề nghị Ban Quản lý dự án khu vực 5 (Chủ đầu tư) bố trí nguồn kinh phí để chi trả cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) theo đúng quy định sau khi Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư này được phê duyệt.

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân xã thực hiện đúng, đủ các nội dung quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng dự án.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội đăng tải Quyết định này lên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa Xã hội, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành, Giám đốc Ban Quản lý dự án khu vực 5 và các Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT. UBND xã;
- Chánh, Phó Chánh VP HĐND-UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã (05 bản chính);
- Lưu: VT (Hải).



CHỦ TỊCH

Vũ Quốc Việt



BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Điện các trụ điện 110kV, 220kV, 500kV phục vụ cho tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1.

(Danh sách kèm theo Quyết định số 3437/UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phước Thái)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất (m2)							Bồi thường đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ và thưởng
			Tổng số	DT đất Phi nông nghiệp			DT đất Nông nghiệp								
				Diện tích đất ONT thu hồi	Người có đất thu hồi đề nghị NN thu hồi hết DT thửa đất	DT đất Phi Nông nghiệp khác	DT Thu hồi	Người có đất thu hồi đề nghị NN thu hồi hết DT thửa đất	Trong đó DT đất lúa						
1	Trương Đan - Nguyễn Thị Nga	Ấp Hiền Hòa, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	0,9	-	-	-	0,9	-	-	864.000	-	-	-	2.000.000	2.864.000
2	Nguyễn Thị Tường Trinh	Ấp 3, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	231,4	-	-	-	231,4	-	-	222.144.000	121.111.312	3.031.733	3.701.077	16.000.000	365.988.122
3	Vũ Văn Thủy - Trần Thị Nụ	Ấp 3, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	196,0	-	-	-	196,0	-	-	166.168.800	-	-	-	12.000.000	178.168.800
4	Lâm Văn Trung	Ấp 1C, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	13,6	-	-	-	13,6	-	-	21.105.840	8.026.560	1.082.014	925.269	4.000.000	35.139.683
5	Trần Văn Sánh	Ấp Hiền Hòa, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	38,7	-	-	-	38,7	-	-	37.152.000	7.614.592	3.680.933	925.269	4.000.000	53.372.794
6	Lê Thị Hậu (đứng giấy) - Nguyễn Văn Vĩ (đứng giấy - chết) - Lê Thị Hậu (thừa kế)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	196	-	-	-	169,0	-	-	188.160.000	7.364.800	4.928.791	925.269	16.000.000	217.378.860
7	Vy Thị Dung	Ấp 3, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	576	-	-	-	576,0	-	-	488.332.800	-	-	-	16.000.000	504.332.800
Tổng:			1.252,6	0,0	0,0	0,0	480,6	0,0	0,0	1.123.927.440	144.117.264	12.723.471	6.476.884	70.000.000	1.357.245.059
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:															1.357.245.059
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%:															47.503.577
- Kinh phí cho TTPTQĐ (2,975%):															40.378.041
- Kinh phí cho UBND xã (0,525%):															7.125.536
Tổng cộng (1+2):															1.404.748.636

Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm bốn mươi tám ngàn, sáu trăm ba mươi sáu đồng./.